

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH

LỊCH SỬ
NHÀ NƯỚC
VÀ PHÁP LUẬT
THẾ GIỚI

NHA XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

**GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC
VÀ PHÁP LUẬT THẾ GIỚI**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Giáo trình

**LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC
VÀ PHÁP LUẬT THẾ GIỚI**

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
HÀ NỘI - 2012

Chủ biên
PHẠM ĐIỂM và ThS. VŨ THỊ NGA

Tập thể tác giả

PHẠM ĐIỂM	Các chương VII
ThS. VŨ THỊ NGA	Chương VI
PHẠM VIỆT HÀ	Phần thứ nhất, các chương II, IV, V
ThS. PHẠM THỊ QUÝ	Chương I
ThS. PHẠM THỊ THU HIỀN	
ThS. PHẠM THỊ QUÝ	Chương III

LỜI GIỚI THIỆU

Nhà nước và pháp luật là hiện tượng xã hội vô cùng phức tạp, luôn biến động và có những thay đổi to lớn trong những năm gần đây. Nhận thức về nhà nước và pháp luật đóng vai trò rất quan trọng trong nhận thức của cán bộ và nhân dân về xã hội, chính trị, văn hóa. Nhận thức đó giúp cho việc tiếp cận và giải quyết một cách đúng đắn các vấn đề thực tiễn về nhà nước và pháp luật.

Một trong những nội dung quan trọng của khoa học về nhà nước và pháp luật là Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới. Môn học này trình bày những vấn đề cơ bản về lịch sử nhà nước và pháp luật qua các thời kì: Chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản và xã hội chủ nghĩa.

*Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và tìm hiểu về nhà nước và pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội xuất bản cuốn **Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới**. Cuốn sách sẽ là tài liệu bổ ích đối với các sinh viên luật được đào tạo dưới những hình thức khác nhau; các cán bộ làm công tác pháp lí, công tác quản lí cũng như những ai muốn tìm hiểu một cách có hệ thống về nhà nước và pháp luật.*

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ TAN RÃ CỦA CÔNG XÃ NGUYÊN THUỶ - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

I. TỔ CHỨC CỦA CÔNG XÃ NGUYÊN THUỶ

Việc nghiên cứu tổ chức của công xã nguyên thủy góp phần lý giải nguồn gốc của nhà nước và pháp luật, đồng thời để hiểu rõ những tàn dư của nó trong xã hội có nhà nước.

Trải qua hàng triệu năm sống thành bầy, về sau con người bước vào xã hội có tổ chức cao hơn, đó là công xã nguyên thủy (cách ngày nay khoảng 40.000 năm).

Từ quan hệ tạp hôn, con cái chỉ biết mẹ, dần dần trong quan hệ hôn nhân diễn ra sự biến đổi quan trọng: những người cùng dòng máu mẹ không được kết hôn với nhau. Những người này hợp thành một cộng đồng gọi là *thị tộc*. Như vậy, thị tộc được hợp thành do quan hệ huyết thống. Về kinh tế, thị tộc hình thành do quá trình phát triển của lực lượng sản xuất. *Thị tộc là hình thái xã hội cơ bản* của công xã nguyên thủy, vì từ nó mà hợp thành các hình thái tổ chức khác (bào tộc, bộ lạc, liên minh bộ lạc). Thị tộc phát triển qua hai giai đoạn: Thị tộc mẫu hệ (chế độ mẫu quyền) thị tộc phụ hệ. Trong thị tộc phụ hệ, chế độ hôn nhân một vợ một chồng được xác lập, mọi người trong thị tộc đều theo dòng

họ cha, và đó là chế độ phụ quyền. Thị tộc có ruộng đất, rừng rú, có tên gọi riêng, (theo tên cây cỏ, chim thú), có khu vực cư trú riêng. Việc quản lý điều hành hoạt động của thị tộc do *tù trưởng* và *thủ lĩnh quân sự* đảm đương. Những người này do các thành viên của thị tộc bầu ra.

Một số thị tộc có quan hệ hôn nhân với nhau hợp thành một bào tộc. Bào tộc có vai trò quan trọng, như thực hiện các lễ nghi tôn giáo và hội hè, tổ chức lực lượng vũ trang bảo vệ bộ lạc...

Một số bào tộc hợp thành một bộ lạc. Bộ lạc có tên gọi, nơi ở, tiếng nói, phong tục tập quán, ruộng đất... riêng. Đứng đầu bộ lạc là *tù trưởng* bộ lạc do hội nghị bộ lạc bầu ra. *Tù trưởng* bộ lạc có quyền giải quyết những công việc cần kíp, không quan trọng giữa hai kỳ hội nghị bộ lạc và có quyền triệu tập hội nghị. Hội đồng bộ lạc bao gồm: *tù trưởng* bộ lạc, các *tù trưởng* và *thủ lĩnh quân sự* của thị tộc. Đến thời kỳ thị tộc phụ hệ, quản lý công việc của thị tộc là một trưởng lão có tông tộc cổ nhất trong thị tộc. Nên hội đồng bộ lạc còn được gọi là: *hội đồng trưởng lão*. Hội đồng bộ lạc có quyền thảo luận, quyết định những vấn đề quan trọng của bộ lạc như tuyên chiến, đình chiến, cử sứ giả của bộ lạc mình hoặc tiếp sứ giả của bộ lạc khác, chia chiến lợi phẩm v.v..

Dần dần, một số bộ lạc liên kết với nhau, tạo thành liên minh bộ lạc. Hội đồng liên minh bộ lạc gồm những *tù trưởng* của các bộ lạc và các thị tộc. Hội đồng thảo luận và quyết nghị những công việc của liên minh theo phương thức dân chủ. Mọi quyết nghị phải được sự nhất trí hoàn toàn của các thành viên. Các quyết nghị đó khi đưa về các bộ lạc cũng phải được hội đồng bộ lạc tán thành thì mới có hiệu lực. Liên

minh bộ lạc có hai thủ lĩnh tối cao, không ai hơn ai về quyền hạn và chức trách.

Như vậy, trong chế độ công xã nguyên thủy, thị tộc, bầy tộc, bộ lạc, liên minh bộ lạc là những hình thức tổ chức xã hội vừa có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, vừa có vai trò và tổ chức quản lý khác nhau.

Trong phạm vi từng cộng đồng, mọi thành viên đều có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau (kể cả các thủ lĩnh). Cái bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi thường bằng sự tự nguyện hoặc bằng áp lực của dư luận cộng đồng. Quyền hạn của các thủ lĩnh, do cộng đồng trao cho, mang tính xã hội, chưa phải là quyền lực chính trị.

II. TỔ CHỨC CÔNG XÃ NGUYÊN THỦY TAN RÃ VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC. ĐẶC ĐIỂM CON ĐƯỜNG HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC Ở PHƯƠNG ĐÔNG

1. Tổ chức công xã nguyên thủy tan rã và sự hình thành nhà nước

Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã tạo ra những chuyển biến vô cùng lớn lao về kinh tế-xã hội. Công xã nguyên thủy lâm vào vòng suy sụp và tan rã, nhường bước cho sự ra đời của nhà nước.

Kim loại được dùng để chế tạo công cụ sản xuất đã mở ra thời đại kim khí. Từ đây năng suất lao động có bước phát triển nhảy vọt. Những dấu vết của việc chế tạo công cụ đồng sớm nhất hiện nay chúng ta biết được là thuộc thiên niên kỷ thứ IV TCN, cư dân Lương Hà, Ai Cập dùng nhiều công cụ

đồng trong sản xuất và đời sống. Khoảng nửa cuối thiên niên kỷ thứ II TCN, vùng Tây Nam Á và Ai Cập xuất hiện nghề luyện sắt và công cụ sắt được sử dụng. Những công cụ bằng kim loại (nhất là công cụ sắt) cùng với kinh nghiệm sản xuất của con người tích lũy được, đã tạo nên bước phát triển nhảy vọt trong trồng trọt và nghề thủ công. Nhiều vùng ở Bắc Phi và Châu Á, cư dân còn biết làm những công trình thủy lợi để tưới tiêu nước. Trồng trọt phát triển đã thúc đẩy nghề chăn nuôi cũng phát triển. Do vậy dẫn đến sự phân công lao động xã hội lần thứ nhất: nghề trồng trọt và nghề chăn nuôi tách rời nhau, có những bộ lạc chuyên về chăn nuôi và những bộ lạc chuyên nghề trồng trọt. Các nghề thủ công phát triển mạnh, dẫn đến sự hình thành những nhóm người chuyên làm nghề thủ công. Từ đó nghề thủ công tách khỏi nông nghiệp. Đây là sự phân công lao động xã hội lần thứ hai. Sự chuyên môn hoá của các ngành sản xuất làm xuất hiện và phát triển việc trao đổi sản phẩm giữa các bộ lạc, giữa các vùng từ Bắc Phi sang Châu Á, từ phương Đông sang phương Tây. Ngay trong một công xã, người nông dân và người thợ thủ công cũng trao đổi sản phẩm với nhau.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất và nền kinh tế nguyên thủy đã dẫn đến những hệ quả rất quan trọng.

1. Sự xuất hiện tài sản tư hữu. Năng suất lao động được nâng cao, làm cho sản phẩm xã hội tăng nhanh. Ngoài phần tiêu dùng hàng ngày, con người đã có của cải dư thừa để dành. Quá trình phân hoá tài sản bắt đầu diễn ra và phát triển theo những con đường sau:

- Trong các cộng đồng, những người có địa vị đã chiếm

được nhiều của cải dư thừa của tập thể.

- Do sự phát triển của sức sản xuất, đại gia đình phụ quyền được phân thành nhiều gia đình nhỏ, bao gồm vợ chồng và con cái, mỗi gia đình nhỏ ấy là một đơn vị kinh tế, có tài sản riêng như công cụ sản xuất, tư liệu lao động và những thứ đó được truyền lại cho con cái từ đời này qua đời khác, củng cố thêm chế độ tư hữu.

- Của cải và tù binh trong chiến tranh cũng là một nguồn tài sản quan trọng bị những người có địa vị trong bộ lạc thắng trận chiếm đoạt thành của riêng mình

2. Công xã nông thôn xuất hiện thay thế công xã thị tộc phụ hệ đang dần dần tan rã. Sự phân hoá tài sản và địa vị giàu nghèo trong xã hội đã dẫn đến tình trạng những người giàu có muốn từ bỏ bà con thân thuộc túng thiếu, vì nghĩa vụ giúp đỡ những người anh em họ hàng theo phong tục cổ truyền đã gây trở ngại cho việc tích lũy của cải của gia đình họ. Còn nhiều người vì nghèo khó phải đi tới những vùng khác để sinh sống. Mối quan hệ dòng máu kết dính các thành viên trong thị tộc bộ lạc bị cắt đứt. Ranh giới của thị tộc bộ lạc bị xóa trộn và phá vỡ. Thay vào đó là một hình thức tổ chức cộng đồng mới. Cộng đồng công xã láng giềng bao gồm những người ở chung một vùng đất, có cùng một số lợi ích chung về kinh tế xã hội, có mối quan hệ láng giềng (chứ hầu như không có quan hệ dòng máu). Công xã láng giềng bao gồm công xã nông thôn (hình thức phổ biến nhất) trong cư dân nông nghiệp và công xã du mục trong cư dân chăn nuôi. Thay thế công xã thị tộc, công xã nông thôn là hình thái tổ chức xã hội cuối cùng của công xã nguyên thủy Theo